TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 - CẦN THƠ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2026/HNGĐ–ST
Ngày: 13 - 02 - 2026.
V/v "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Kiệt**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Tăng Tài Thủ**
2. Bà **Thái Ánh Trinh**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Bà **Phạm Ngọc Chi** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 238/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2025, về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số 110/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 06/02/2026 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Chị **Cao Thị Hồng Q** – Sinh năm 2000. Vắng mặt
Cư trú: Khu vực T, phường T, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh **Trần Hoàng T** – Sinh năm 1995. Vắng mặt
Cư trú: Khu vực T, phường T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Cao Thị Hồng Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị Cao Thị Hồng Q và anh Trần Hoàng T do tự quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Cần Thơ vào ngày 23/01/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó từ đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cải nhau dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc nên đã sống ly thân. Nhận thấy, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn. Nay

chị Q xin giải quyết cho ly hôn với với anh T.

Về con chung: Chị Q và anh T có 01 người con chung là cháu Trần Hoàng N, sinh ngày 06/12/2017. Khi ly hôn, chị Q yêu cầu được nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trần Hoàng T dù đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng, và cũng không gửi văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Q. Tuy nhiên, thông qua lời trình bày của bà Nguyễn Thị Đ (là mẹ ruột của anh Trần Hoàng T) tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/01/2026 thì ông T đồng ý ly hôn và yêu cầu được nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

- Tại Bản tự khai ngày 06/01/2026, cháu Trần Hoàng N trình bày nguyện vọng được chung sống với cha.

- Tại phiên tòa, chị Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành của những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho ly hôn, giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con; các vấn đề khác đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Cao Thị Hồng Q và anh Trần Hoàng T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị Q khởi kiện xin ly hôn, đồng thời yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi con. Đây là quan hệ pháp luật về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 1 của Luật Số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền. Bị đơn vắng mặt không tham gia tố tụng, do đó vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, nguyên đơn đã có đơn yêu cầu xin giải quyết vắng mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về vấn đề hôn nhân: Nhận thấy hôn nhân giữa chị Cao Thị Hồng Q và anh Trần Hoàng T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có sự thông cảm lẫn nhau nên đã sống ly thân. Thời gian ly thân vợ chồng cũng không có giải pháp gì để khắc phục. Nay chị Q cương quyết xin ly hôn, anh T dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia tố tụng, bỏ mặc sự việc hôn nhân. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân. Vì vậy, nên chấp nhận cho ly hôn là phù hợp.

[3.2] Về vấn đề nuôi con, cấp dưỡng: Qua trình bày của chị Q và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, chị Q và anh T có 01 người con chung là cháu Trần Hoàng N, sinh ngày 06/12/2017, đang chung sống với bên gia đình anh T. Khi ly hôn, cả chị Q, anh T đều yêu cầu được nuôi dưỡng con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của cháu N mong muốn được chung sống với cha, là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện tại. Vì vậy, nên giao con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Nếu sau này điều kiện hoàn cảnh thay đổi thì đương sự có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người nuôi con vì lợi ích của con.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu, nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì sẽ giải quyết trong vụ kiện khác.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Cao Thị Hồng Q phải chịu án phí là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở như đã phân tích.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5; 28; 35; 39; 147; 207; 227; 228; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; 58; 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết Số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, qản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cao Thị Hồng Q và anh Trần Hoàng T.

2. Về nuôi con, cấp dưỡng: Giao cháu Trần Hoàng N, sinh ngày 06/12/2017 cho cha là Trần Hoàng T tiếp tục nuôi dưỡng đến thành niên (đủ 18 tuổi), chị Cao Thị Hồng Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Cao Thị Hồng Q không ai được cản trở. Sau này, chị Q, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con vì lợi ích của con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Cao Thị Hồng Q phải chịu án phí là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0007968 ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Công nhận chị Q đã nộp xong án phí.

4. Về kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điêu 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Kiệt